

Bản án số: 117/2022/DS-PT

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Hoàng L, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 57, ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bạch Sỹ T, Luật sư của Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 181/19, đường N, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ thường trú: Số 667, đường P, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số 398-400, đường T, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 92, đường T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022). (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 4 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lý Hoàng L trình bày:

Ông với ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị V có quan hệ quen biết từ lâu, do ông C và bà V có mở công ty HC trong lĩnh vực mua bán thủy hải sản tại huyện Trần Đề và có qua lại tiền bạc với nhau nhiều lần nên khi ông C và bà V cần tiền gấp để mua bán thủy hải sản thì có hỏi vay mượn tiền của ông.

Ông C và bà V có vay của ông tổng cộng số tiền 3.250.000.000 đồng, cụ thể: Vào ngày 28/12/2017, vay 02 lần: Lần 1 ông C vay số tiền là 750.000.000 đồng. Lần 2 bà V vay số tiền là 600.000.000 đồng. Ngày 20/01/2018, bà V vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 26/01/2018, bà V vay số tiền 900.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn là một ngày sau sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất.

Sau khi vay thì vợ chồng ông C và bà V không trả đúng hạn như thỏa thuận trong biên nhận. Ông đã tạo điều kiện cho ông C và bà V trả nợ, nhưng ông bà chỉ trả được số tiền lãi 170.000.000 đồng, cụ thể như sau: Lần 1 ngày 20/3/2018, bà V trả được số tiền 100.000.000 đồng. Lần 2 ngày 22/11/2019, bà V trả được số tiền 20.000.000 đồng. Lần 3: ngày 20/4/2020, bà V trả được số tiền 30.000.000 đồng. Lần 4 ngày 20/01/2021, bà V trả được số tiền 20.000.000 đồng.

Ông đã nhiều lần liên hệ bằng nhiều hình thức như nhắn tin, điện thoại và đến gặp trực tiếp, nhưng ông C và bà V chỉ hứa mà không trả thêm khoản tiền nào khác.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông C và bà V trả cho ông số tiền gốc là 3.250.000.000 đồng. Yêu cầu ông C và bà V trả cho ông số tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng), tính tròn 50 tháng (từ ngày 01/02/2018 đến ngày 01/5/2022), với số tiền lãi là 1.218.750.000 đồng. Ông đồng ý trừ cho phía bị đơn số tiền lãi đã đóng là 170.000.000 đồng và giảm cho phía bị đơn 100.000.000 đồng tiền lãi. Ông chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 3.250.000.000 đồng và tiền lãi là 948.750.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 4.198.750.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị V trình bày:

Bà thừa nhận có vay của ông L số tiền tổng cộng là 3.250.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Cụ thể: Theo tờ “*Biên nhận*”, ngày 28/12/2017 có chữ ký và chữ viết “Nguyễn Văn C” và “Lê Thị V” là của bà V và ông C. Tờ “*Biên nhận*”, ngày 20/01/2018 có chữ ký và chữ viết “Lê Thị V” là của bà V. Tờ “*Biên nhận*”, ngày 26/01/2018 có chữ ký và chữ viết “Lê Thị V” là của bà V. Mục đích

vay tiền là để bà và ông C làm ăn, cụ thể là mua tôm nguyên liệu và xây dựng nhà xưởng chế biến tôm. Khi vay tiền thì không thỏa thuận lãi suất nhưng nếu làm ăn có lãi thì bà sẽ chuyển tiền trả lãi cho ông L, nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất bao nhiêu.

Trong quá trình vay vốn, bà và ông C chưa trả tiền vốn, nhưng có trả số tiền lãi là 1.276.000.000 đồng. Thể hiện tại Tờ ủy nhiệm chi ngày 25/5/2018 số tiền 110.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 03/3/2018 số tiền 35.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 16/4/2018 số tiền 100.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 09/5/2018 số tiền 20.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 16/5/2018 số tiền 126.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 04/6/2018 số tiền 120.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 05/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 13/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 16/6/2018 số tiền 80.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 28/6/2018 số tiền 50.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 06/7/2018 số tiền 55.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 23/7/2018 số tiền 50.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 22/11/2019 số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền 966.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 01/8/2018 bà có chuyển cho ông L số tiền 40.000.000 đồng và ngày 11/11/2018 ông L có lên nhà bà nhận số tiền 100.000.000 đồng. Ông L thừa nhận có nhận của bà 170.000.000 đồng.

Bà đồng ý trả tiền vốn 3.250.000.000 đồng cho ông L. Đối với số tiền lãi chậm trả mà ông L yêu cầu thì bà không đồng ý vì trong quá trình vay bà đã trả lãi cho ông L số tiền lãi tổng cộng là 1.276.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V đồng ý cùng ông C trả cho ông L số tiền vốn vay còn nợ là 3.250.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà không đồng ý trả tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của ông L.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng ông C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa, nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hoàng L.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị V liên đới trả cho ông Lý Hoàng L số tiền vốn vay tổng cộng là 3.250.000.000 đồng và tiền lãi là 948.750.000 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 4.198.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2022, bị đơn bà V có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền mà bà đã trả tiền lãi cho ông L là 1.150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông L không rút đơn khởi kiện và cho rằng tất cả ủy nhiệm chi bà V cung cấp là trả tiền mua tôm, không phải trả tiền lãi, nên không đồng ý khấu trừ tiền theo yêu cầu của bà V. Bị đơn bà V chỉ yêu cầu khấu trừ số tiền 966.000.000 đồng theo các ủy nhiệm chi bà đã cung cấp. Còn người đại diện hợp pháp của bà V cho rằng chỉ có 01 ủy nhiệm chi chuyển khoản tiền tôm còn lại thì không, nên bà V trình bày là có căn cứ; vì vậy, đề nghị ghi nhận số tiền theo ủy nhiệm chi trừ vào vốn vay, số tiền còn lại mới tính lãi. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày tại phiên tòa lại mâu thuẫn với lời trình bày của bà V về số tiền yêu cầu khấu trừ vào tiền vốn; còn tiền chuyển khoản qua ủy nhiệm chi là tiền mua tôm, không phải trả tiền lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) bác yêu cầu kháng cáo của bà V và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà V và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn bà Lê Thị V có mặt, nhưng tiếp tục ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà V là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021 (BL số 76) và tại phiên tòa sơ thẩm (BL số 231) bà V thừa nhận bà với chồng bà có vay của ông L tổng cộng số tiền 3.250.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C và bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền này là có căn, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà V về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo hướng khấu trừ số tiền mà bà đã trả tiền lãi cho ông L là 1.150.000.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp bà có cung cấp các Tờ ủy nhiệm chi ngày 25/5/2018 số tiền 110.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 03/3/2018 số tiền 35.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 16/4/2018 số tiền 100.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 09/5/2018 số tiền 20.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 16/5/2018 số tiền 126.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 04/6/2018 số tiền 120.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 05/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 13/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 16/6/2018 số tiền 80.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 28/6/2018 số tiền 50.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 06/7/2018 số tiền 55.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 23/7/2018 số tiền 50.000.000 đồng; Tờ ủy nhiệm chi ngày 22/11/2019 số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền 966.000.000 đồng (BL số 93 - 105). Mặc dù, các Tờ ủy nhiệm chi này đều thể hiện ông L là người thụ hưởng và một số Tờ ủy nhiệm chi thể hiện “Lê Văn ck hoặc Lê Văn ck a Lâm”, nhưng không thể hiện rõ chuyển khoản nhằm mục đích gì? (đóng lãi hay trả tiền vốn vay còn thiếu). Bên cạnh đó, có một Tờ ủy nhiệm chi thể hiện “Lê Văn ck tiền tôm 14/05”. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm (BL số 231) bà V thừa nhận bà có mua 02 ao tôm của ông L, một ao tôm nhiều nhất là 1.000.000.000 đồng, đến năm 2019 thì không còn mua nữa, trả tiền mua tôm bằng hình thức chuyển khoản và bà cũng có lại nhà trả tiền mặt cho ông L và tại phiên tòa phúc thẩm bà V cũng xác định lời trình bày trên là đúng. Như vậy, thông qua các tin nhắn giữa ông L với bà V (BL số 29 - 73) thì thể hiện việc ông L liên tục yêu cầu bà V thanh toán tiền mua tôm còn thiếu, không đề cập gì đến số tiền vốn vay các bên đã thừa nhận và cũng không thể hiện đòi tiền lãi hay trả tiền lãi như bà V trình bày. Mặt khác, tại Đơn yêu cầu đề ngày 27/10/2021 (BL số 90) và Biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021 (BL số 76), bà V cho rằng bà đã gửi trả tiền lãi cho ông L tổng cộng là 1.375.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL số 232), bà V xác định bà đã gửi trả tiền lãi cho ông L tổng cộng là 1.276.000.000 đồng. Còn theo Đơn kháng cáo (BL số 237), bà V lại xác định bà đã gửi trả tiền lãi cho ông L tổng cộng là 1.150.000.000 đồng. Như vậy, việc bà V trình bày các lần bà đã gửi trả tiền lãi cho ông L đều không thống nhất và cũng không có chứng cứ nào để chứng minh. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bà V chỉ yêu cầu khấu trừ số tiền 966.000.000 đồng cũng không có căn cứ như vừa nhận định. Còn

đối với tiền 170.000.000 đồng ông L thừa nhận bà V đóng tiền lãi và đã được Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ rồi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V và người đại diện hợp pháp của bà V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà V là có căn cứ và hợp pháp.

[5] Từ những nhận định tại mục [3] và [4] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà V là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà V và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hoàng L. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị V có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Hoàng L số tiền vốn vay tổng cộng là 3.250.000.000 đồng và tiền lãi là 948.750.000 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 4.198.750.000 đồng (Bốn tỷ một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

- *Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại*

Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị V cùng phải chịu số tiền 112.198.750 đồng (Một trăm mười hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Ông Lý Hoàng L không phải chịu, trả lại cho ông Lý Hoàng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.381.200 đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm đồng) theo Biên lai thu số 0007683 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0000514 ngày 23/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bà Lê Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn